

Bản án số: 34/2018/HNGĐ-PT

Ngày: 30-7-2018

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Ngọt

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Ông Phạm Kim Cửa

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Sương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2018/TLPT-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp ly hôn.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 27/2018/HNGĐ-ST ngày 11 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 156/2018/QĐPT-DS, ngày 04 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1980, cư trú tại: Số nhà 66/3, Ấp A, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Bà H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 12/7/2018.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh S, sinh năm 1975, cư trú tại: Số nhà 66/3, Ấp A, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre (có mặt).

- Người kháng cáo: Bị đơn là ông Nguyễn Thanh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm:

Nguyên đơn là bà Nguyễn Ngọc H trình bày:

Bà và ông S tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường X, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 12/8/1998. Sau khi kết hôn, bà và ông S chung sống hạnh phúc, nhưng khoảng 02 năm nay thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông S không quan tâm đến vợ con. Hiện tại vợ chồng không còn tin tưởng nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và đã ly thân khoảng 01 năm. Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Thanh S;

- Về con chung: Có 05 con chung gồm Nguyễn Thanh H1 sinh ngày 07/10/1998, Nguyễn Thanh N, sinh ngày 18/6/2001, Nguyễn Thanh V, sinh ngày 05/8/2006, Nguyễn Thanh Thoại P, sinh ngày 27/5/2008 và Nguyễn Thanh N1, sinh ngày 04/5/2011. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi các con chung và yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi 04 người con chưa thành niên theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Nguyễn Thanh S trình bày:

Ông thống nhất lời trình bày của bà H về thời gian kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung, tuy nhiên việc bà H trình bày mâu thuẫn vợ chồng là không đúng vì ông ra ngoài làm việc có giao tiếp với khách hàng, ông làm việc và lo mọi chi tiêu trong gia đình. Việc bà H yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý nhưng nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H thì ông đồng ý để bà H trực tiếp nuôi con và ông sẽ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 27/2018/HNGĐ-ST ngày 11 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố B đã quyết định như sau:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Ngọc H.

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc H được ly hôn với ông Nguyễn Thanh S.

Về con chung: Có 05 con chung gồm Nguyễn Thanh H1 sinh ngày 07/10/1998, Nguyễn Thanh N, sinh ngày 18/6/2001, Nguyễn Thanh V, sinh ngày 05/8/2006, Nguyễn Thanh Thoại P, sinh ngày 27/5/2008 và Nguyễn Thanh N1, sinh ngày 04/5/2011.

Về con chung tên Nguyễn Thanh H1 đã thành niên nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn bà H được trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Thanh N, sinh ngày 18/6/2001, Nguyễn Thanh V, sinh ngày 05/8/2006, Nguyễn Thanh Thoại P, sinh ngày 27/5/2008 và Nguyễn Thanh N1, sinh ngày 04/5/2011

Ông Nguyễn Thanh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là Nguyễn Thanh N, sinh ngày 18/6/2001, Nguyễn Thanh V, sinh ngày 05/8/2006, Nguyễn Thanh Thoại P, sinh ngày 27/5/2008 và Nguyễn Thanh N1, sinh ngày 04/5/2011 là 650.000 đồng/tháng/ 1 con chung cho đến khi các con chung tròn 18 tuổi.

Ông Nguyễn Thanh S được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

Ngoài ra, bản án còn tuyên án phí, quyền kháng cáo bản án, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 14/5/2018, ông Nguyễn Thanh S kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 27/2018/HNGĐ-ST ngày 11 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông S vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến cho rằng trong quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; bị đơn là ông Nguyễn Thanh S đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tại phiên tòa, đối với nguyên đơn là bà Nguyễn Ngọc H không có kháng cáo, đồng thời có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 27/2018/HNGĐ-ST ngày 11 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố B.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Xét kháng cáo của ông Nguyễn Thanh S và đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Ngọc H tự nguyện làm đơn đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử vắng mặt bà, đơn làm tại Tòa nên được xem là hợp pháp. Vì vậy, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm tiến hành xét xử vắng mặt bà H theo quy định tại khoản 1 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Bà Nguyễn Ngọc H khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Thanh S với nguyên nhân là ông S thường xuyên uống rượu và nghiện cờ bạc, không quan tâm vợ con và có quan hệ với người phụ nữ khác, nhưng bà H không có chứng cứ gì để chứng minh. Trong khi đó, ông S cho rằng vẫn còn tình cảm vợ chồng với bà H và rất thương các con nên không đồng ý ly hôn. Xét kháng cáo của ông S, Hội đồng xét xử nhận thấy hôn nhân giữa bà H và ông S là do hai bên tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp, hai bên đã có thời gian dài chung sống hạnh phúc. Mâu thuẫn gia đình giữa bà H và ông S tuy có xảy ra nhưng chưa đến mức trầm trọng và gay gắt, ông S cho rằng gia đình hai bên có khuyến nhủ ông và bà H hàn gắn đoàn tụ, chứng tỏ đời sống chung giữa ông S và bà H còn có thể kéo dài, mục đích hôn nhân vẫn khắc phục được. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông S có thiện chí hàn gắn để duy trì tình cảm vợ chồng với bà H, nên tạo điều kiện để hai bên có thời gian suy nghĩ hàn gắn, đoàn tụ vợ chồng để cùng nhau chăm lo cho các con chung là điều cần thiết và hợp lý, kháng cáo của ông S đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm, không chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của bà H là có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông S, sửa Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 27/2018/HNGĐ-ST ngày 11 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Nguyễn Ngọc H với ông Nguyễn Thanh S. Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Do không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Ngọc H, nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không xem xét về con chung, về tài sản chung và nợ chung giữa bà H và ông S.

[2] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Ngọc H phải chịu là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0014098 ngày 02/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B (Theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội).

- Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên ông S không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho ông Nguyễn Thanh S là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0017192 ngày 23/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B (Theo quy định tại Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 và khoản 1 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thanh S;

Sửa Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 27/2018/HNGĐ-ST ngày 11 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tranh chấp ly hôn của bà Nguyễn Ngọc H đối với ông Nguyễn Thanh S.

Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Ngọc H phải chịu là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0014098 ngày 02/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B

- Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho ông Nguyễn Thanh S là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0017192 ngày 23/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND thành phố B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Văn Ngọt